



Flashcardo.com

Vi hoppas att dessa utskrivbara flashcards kommer att vara användbara för dig. För att hitta ännu fler flashcards-produkter, gå till vår webbplats www.flashcardo.com/sv. På Flashcardo.com erbjuder vi online-flashcards, flashcards med upprepad inläring, video-flashcards och mycket mer. Allt är gratis och redo att användas av elever över hela världen.

Upphovsrätt, licensanteckningar

Denna PDF är skyddad enligt upphovsrättslagen och alla rättigheter är förbehållna. Du får gärna dela denna PDF med vem som helst. Däremot är det inte tillåtet att sälja denna PDF eller dess innehåll. Om du har några frågor, gå till www.flashcardo.com/sv för att kontakta oss. Tack!

Ansvarsfriskrivning

DENNA PDF TILLHANDAHÅLLS "I BEFINTLIGT SKICK", UTAN NÅGON SOM HELST GARANTI, VARE SIG UTTRYCKLIG ELLER UNDERFÖRSTÅDD, INKLUSIVE MEN INTE BEGRÄNSAT TILL GARANTIER OM SÄLJBARHET, LÄMPLIGHET FÖR ETT VISST ÄNDAMÅL OCH ICKE-INTRÅNG. UNDER INGA OMSTÄNDIGHETER SKA FÖRFATTARNA ELLER UPPHOVSRÄTTSSINNEHAVARNA VARA ANSVARIGA FÖR NÅGRA ANSPRÅK, SKADOR ELLER ANNAT ANSVAR, VARE SIG I ETT AVTAL, SKADESTÅND ELLER ANNAT, SOM UPPSTÅR FRÅN, UTANFÖR ELLER I SAMBAND MED PDF ELLER ANVÄNDNINGEN AV ELLER ANDRA HANTERINGAR AV PDF.

Upphovsrätt © 2025 Flashcardo.com. Alla rättigheter förbehållna

Grundläggande

tôi

jag

bạn
đại từ

du

anh ấy

han

cô ấy

hon

nó

den/det

chúng tôi / chúng ta

vi

các bạn

ni

họ

de/dem

cái gì

vad

ai

vem

ở đâu

var

tại sao

varför

làm sao

cái nào

lúc nào

hur

vilken

när

sau đó

nếu

thật sự

sedan

om

verkligen

nhưng

bởi vì

không

men

eftersom

inte

này

đó
vật

tất cả

det här

det där

alla

hoặc

và

đây

eller

och

här

đó
địa điểm

trái

phải

där

vänster

höger

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

nu

eftermiddag

förmiddag

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

natt

morgon

kväll

buổi trưa

nửa đêm

gìờ

middagstid

midnatt

timme

phút

giây

ngày

minut

sekund

dag

tuần

tháng

năm

vecka

månad

år

hôm qua

hôm nay

ngày mai

i går

i dag

i morgon

thứ hai
ngày

måndag

thứ ba
ngày

tisdag

thứ tư
ngày

onsdag

thứ năm

torsdag

thứ sáu

fredag

thứ bảy

lördag

chủ nhật

söndag

đàn bà

kvinna

đàn ông

man

tình yêu

kärlek

bạn trai

pojkvän

bạn gái

flickvän

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

văn

kyss

sex

trẻ em

con gái
đại cương

con trai
đại cương

barn

flicka

pojke

mẹ

ba

má
mẹ

mamma

pappa

mor

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

far

förälder

son

con gái
gia đình

dotter

em gái

lillasyster

em trai

lillebror

chị gái

storasyster

anh trai

storebror

chồng

make

vợ

maka

mỗi / mọi

varje

luôn luôn

alltid

thực ra

faktiskt

lần nữa

igen

đã

redan

ít hơn

mindre

phần lớn

mest

nhiều hơn

mer

không có

ingen

rất

väldigt

ở ngoài

utanför

ở trong

inuti

xa

långt borta

gần

nära

bên dưới

under

bên trên

ovan

bên cạnh

bredvid

phía trước

fram

phía sau

bak

mọi người

alla

cùng nhau

tillsammans

khác

andra

mùa xuân

vår

mùa hè

sommar

mùa thu

höst

mùa đông

vinter

tháng một

januari

tháng hai

februari

tháng ba

mars

tháng tư

april

tháng năm

maj

tháng sáu

juni

tháng bảy

juli

tháng tám

augusti

tháng chín

september

tháng mười

oktober

tháng mười một

november

tháng mười hai

december

bắc

nord

đông

öst

nam

syd

tây

thường xuyên

ngay lập tức

väst

ofta

omedelbart

đột ngột

mặc dù

plötsligt

även om

Siffror

không

0

một

1

hai

2

ba

3

bốn

4

năm

5

sáu

6

bảy

7

tám

8

chín

9

mười

10

mười một

11

mười hai

12

mười ba

13

mười bốn

14

mười năm

15

mười sáu

16

mười bảy

17

mười tám

18

mười chín

19

hai mươi

20

hai mươi mốt

21

hai mươi hai

22

hai mươi sáu

26

ba mươi

30

ba mươi mốt

31

ba mươi ba

33

ba mươi bảy

37

bốn mươi

40

bốn mươi mốt

41

bốn mươi bốn

44

bốn mươi tám

48

năm mươi

50

năm mươi mốt

51

năm mươi lăm

55

năm mươi chín

59

sáu mươi

60

sáu mươi mốt

61

sáu mươi hai

62

sáu mươi sáu

66

bảy mươi

70

bảy mươi mốt

71

bảy mươi ba

73

bảy mươi bảy

77

tám mươi

80

tám mươi mốt

81

tám mươi bốn

84

tám mươi tám

88

chín mươi

90

chín mươi mốt

91

chín mươi lăm

95

chín mươi chín

99

một trăm

100

một trăm linh một

101

một trăm linh năm

105

một trăm mười

110

một trăm năm mươi mốt

151

hai trăm

200

hai trăm linh hai

202

hai trăm linh sáu

206

hai trăm hai mươi

220

hai trăm sáu mươi hai

262

ba trăm

300

ba trăm linh ba

303

ba trăm linh bảy

307

ba trăm ba mươi

330

ba trăm bảy mươi ba

373

bốn trăm

400

bốn trăm linh bốn

404

bốn trăm linh tám

408

bốn trăm bốn mươi

440

bốn trăm tám mươi bốn

484

năm trăm

500

năm trăm linh năm

505

năm trăm linh chín

509

năm trăm năm mươi

550

năm trăm chín mươi lăm

595

sáu trăm

600

sáu trăm linh một

601

sáu trăm linh sáu

606

sáu trăm mười sáu

616

sáu trăm sáu mươi

660

bảy trăm

700

bảy trăm linh hai

702

bảy trăm linh bảy

707

bảy trăm hai mươi bảy

727

bảy trăm bảy mươi

770

tám trăm

800

tám trăm linh ba

803

tám trăm linh tám

808

tám trăm ba mươi tám

838

tám trăm tám mươi

880

chín trăm

900

chín trăm linh bốn

904

chín trăm linh chín

909

chín trăm bốn mươi chín

949

chín trăm chín mươi

990

một nghìn

1000

một nghìn không trăm linh
một

1001

một nghìn không trăm mười
hai

1012

một nghìn hai trăm ba mươi
bốn

1234

hai nghìn

2000

hai nghìn không trăm linh hai

2002

hai nghìn không trăm hai
mười ba

2023

hai nghìn ba trăm bốn mươi
lăm

2345

ba nghìn

3000

ba nghìn không trăm linh ba

3003

bốn nghìn

4000

bốn nghìn không trăm bốn
mười lăm

4045

năm nghìn

5000

năm nghìn sáu trăm bảy
mười tám

5678

sáu nghìn

6000

bảy nghìn

7000

bảy nghìn tám trăm chín
mười

7890

tám nghìn

8000

tám nghìn chín trăm linh một

8901

chín nghìn

9000

chín nghìn không trăm chín
mười

9090

mười nghìn

10.000

mười nghìn không trăm linh
một

10.001

hai mươi nghìn không trăm
hai mươi

20.020

ba mươi nghìn ba trăm

30.300

bốn mươi bốn nghìn

44.000

một trăm nghìn

100.000

năm trăm nghìn

500.000

một triệu

1.000.000

sáu triệu

6.000.000

mười triệu

10.000.000

bảy mươi triệu

70.000.000

một trăm triệu

100.000.000

tám trăm triệu

800.000.000

một tỷ

1.000.000.000

chín tỷ

9.000.000.000

mười tỷ

10.000.000.000

hai mươi tỷ

20.000.000.000

một trăm tỷ

100.000.000.000

ba trăm tỷ

300.000.000.000

một nghìn tỷ

1.000.000.000.000

Verb

biết

att veta

nghĩ

att tänka

đến

att komma

đặt

att lägga

lấy

att ta

tìm

att hitta

nghe

att lyssna

làm việc

att arbeta

nói chuyện

att prata

cho

att ge

thích

att tycka om

giúp đỡ

att hjälpa

yêu

att älska

gọi

att ringa

chờ đợi

att vänta

đứng

att stå

ngồi

att sitta

đóng

att stänga

mở
cửa

att öppna

thua

att förlora

thắng

att vinna

chết

att dö

sống
động từ

att leva

bật

att sätta på

tắt

att stänga av

giết

att döda

làm bị thương

att skada

chạm

att röra

xem

att titta

uống

att dricka

ăn

att äta

đi bộ

att gå

gặp

att träffa

đặt cược

att tippa

hôn
động từ

att kyssa

đi theo

att följa

cưới

att gifta sig

trả lời

att svara

hỏi

att fråga

kéo

att dra

đẩy

att trycka

ấn

att trycka på

đánh

att slå

bắt

att fanga

chiến đấu

att slåss

ném

att kasta

chạy
động từ

att springa

đọc

att läsa

viết

att skriva

sửa chữa

att laga

đếm

att räkna

cắt

att skära

bán

att sälja

mua

att köpa

trả

att betala

học

att studera

mơ

att drömma

ngủ

att sova

chơi

att spela

ăn mừng

att fira

thưởng thức

att njuta av

dọn dẹp

att städa

bắn

att skjuta

bảo vệ

att försvara

tấn công

att attackera

trộm

att stjäla

đốt

att brinna

cứu

att rädda

bay

att flyga

khạc nhổ

att spotta

đá
động từ

att sparka

cắn

att bita

thở

att andas

ngủ

att lukta

khóc

att gråta

hát

att sjunga

cười mỉm

att le

cười

att skratta

lớn lên

att växa

co lại

att krympa

tranh luận

att bråka

chia sẻ

att dela

cho ăn

att mata

trốn

att gömma

cảnh báo

att varna

bơi

att simma

nhảy

att hoppa

nâng

att lyfta

đào

att gräva

giao hàng

att leverera

tìm kiếm

att leta efter

luyện tập

att öva

đi du lịch

att resa

vẽ

att måla

mở
khóa

att öppna

khóa

att låsa

rửa

att tvätta

cầu nguyện

att be

nấu ăn

att tillaga

nôn

att kräkas

la hét

att skrika

trích dẫn

att citera

in

att skriva ut

tính toán

att räkna ut

kiếm tiền

att tjäna

Adjektiv

mới

cũ

ít

ny

gammal

få

nhiều

sai

chính xác

många

fel

rätt

xấu

tốt

hạnh phúc

ond

god

glad

ngắn

dài

nhỏ

kort

lång

liten

lớn
to

stor

xinh đẹp

vacker

trẻ

ung

già

gammal

màu trắng

vit

màu đen

svart

màu đỏ

röd

màu xanh da trời

blå

màu xanh lá cây

grön

màu vàng

gul

chậm

långsam

nhanh

snabb

vui vẻ

rolig

không công bằng

orättvis

công bằng

rättvis

khó

svår

dễ

enkel

giàu

rik

nghèo

fattig

khỏe

stark

yếu

svag

an toàn

säker

mệt mỏi

trött

tự hào

stolt

no bụng

mätt

bệnh

sjuk

khỏe mạnh

frisk

tức giận

arg

thấp
đại cương

låg

cao
đại cương

hög

ngọt

söt

chua

sur

mềm

mjuk

cứng

hård

đáng yêu

söt

ngu ngốc

dum

điên khùng

bận rộn

cao
người

galen

upptagen

lång

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

kort

orolig

överraskad

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

skötsam

ond

smart

lạnh

nóng

màu cam

kall

het

orange

màu xám

màu nâu

màu hồng

grå

brun

rosa

nhàm chán

nặng

nhẹ

tråkig

tung

lätt

cô đơn

đói bụng

khát nước

ensam

hungrig

törstig

buồn

dốc

bằng phẳng

ledsen

brant

platt

hẹp

smal

rộng

bred

sâu

djup

nông

grund

lớn
rất

enorm

bẩn

smutsig

sạch sẽ

ren

đầy

full

trống rỗng

tom

đắt

dyr

rẻ

billig

quýn rữ

sexig

lười biếng

lat

dũng cảm

modig

hào phóng

generös

ướt

blöt

khô

torr

ồn ào

högt

yên tĩnh

stilla

năng

solig

nhiều mưa

regnig

sương mù
tính từ

dimmig

nhiều mây

molnig

Sport

thể dục dụng cụ

gymnastik

quần vợt

tennis

chạy
danh từ

löpning

đạp xe

cykling

đánh golf

golf

bóng đá

fotboll

bóng rổ

basket

bơi lội

simning

lặn

dykning

đi bộ đường dài

vandring

chạy marathon

maraton

ba môn phối hợp

triathlon

bóng bàn

bordtennis

cử tạ

tyngdlyftning

quyền anh

boxning

cầu lông

badminton

trượt băng nghệ thuật

konståkning

trượt ván tuyết

snowboardåkning

trượt tuyết

skidåkning

trượt tuyết băng đồng

längdskidåkning

khúc côn cầu trên băng

ishockey

bóng chuyền

volleyboll

bóng ném

handboll

bóng chuyền bãi biển

beachvolleyboll

bóng rugby

rugby

bóng gậy

cricket

bóng chày

baseboll

bóng bầu dục Mỹ

Amerikansk fotboll

bóng nước

vattenpolo

nhảy cầu

simhopp

lướt sóng

surfing

đua thuyền buồm

segling

chèo thuyền

rodd

yoga

yoga

khiêu vũ

dans

nhảy dù

fallskärmshoppning

cờ vua

đánh bài poker

bowling

schack

poker

bowling

múa ba lê

balett

Djur

con lợn

gris

con bò

ko

con ngựa

häst

con chó

hund

con cừu

får

con khỉ

apa

con mèo

katt

con gấu

björn

con gà

kyckling

con vịt

anka

con bướm

fjäril

con ong

bi

con cá

con nhện

con rắn

fisk

spindel

orm

con hổ

con chuột

con thỏ

tiger

mus

kanin

con sư tử

con lừa

con voi

lejon

åsna

elefant

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

duva

skalbagge

mygga

con ruồi

fluga

con kiến

myra

con cá voi

val

con cá mập

haj

con cá heo

delfin

con ốc sên

snigel

con ếch

groda

con gấu trúc

panda

con gấu Bắc cực

isbjörn

con chó sói

varg

con gấu túi

koala

con chuột túi

känguru

con hươu cao cổ

giraff

con cáo

räv

con hà mã

flodhäst

con dơi

fladdermus

con quạ

korp

con thiên nga

svan

con chim hải âu

fiskmå

con cú

uggla

con chim cánh cụt

pingvin

con vẹt

papegoja

con sâu bướm

fjärilslarv

con chuồn chuồn

trollslända

con mực ống

tioarmad bläckfisk

con bạch tuộc

åttaarmad bläckfisk

con cá ngựa

sjöhäst

con hải cẩu

säl

con sứa

manet

con cua

krabba

con khủng long

dinosaurie

con rùa cạn

sköldpadda

con cá sấu

krokodil

Länder

Châu Âu

Europa

Châu Á

Asien

Châu Mỹ

Amerika

Châu Phi

Afrika

Vương quốc Anh

Storbritannien

Tây Ban Nha

Spanien

Thụy sĩ

Schweiz

Ý

Italien

Pháp

Frankrike

Đức

Tyskland

Thái Lan

Thailand

Singapore

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ryssland

Japan

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Indien

Kina

Amerikas förenta stater

Mexico

Canada

Chile

Mexiko

Kanada

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Brasilien

Argentina

Sydafrika

Nigeria

Nigeria

Ma Rốc

Marocko

Libya

Libyen

Kenya

Kenya

Algeria

Algeriet

Ai Cập

Egypten

New Zealand

Nya Zeeland

Úc

Australien

Kropp

đầu

mũi

tóc

huvud

näsa

hårstrå

miệng

tai

mắt

mun

öra

öga

bàn tay

bàn chân

tim

hand

fot

hjärta

não

cổ

mông

hjärna

hals

rumpa

vai

axel

đầu gối

knä

chân

ben

tay

arm

bụng

mage

ngực

barm

lưng

rygg

răng

tand

lưỡi

tunga

môi

läpp

ngón tay

finger

ngón chân

tå

dạ dày

magsäck

phổi

lunga

gan

lever

dây thần kinh

nerv

thận

njure

ruột

tarm

trán

panna

cằm

haka

má
cơ thể

kind

râu

skägg

ngón cái

tumme

ngón tay út

lillfinger

ngón tay đeo nhẫn

ringfinger

ngón tay giữa

långfinger

ngón tay trỏ

pekfinger

móng tay

nagel

gót chân

häl

xương sống

rygggrad

cơ bắp

muskel

xương
cơ thể

ben

bộ xương

skelett

xương sườn

revben

đốt sống

kota

bàng quang

urinblåsa

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

ven

artär

vagina

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

sperma

penis

testikel

Hemma

cửa

dörr

nhà bếp

kök

phòng tắm

badrum

phòng khách

vardagsrum

phòng ngủ

sovrum

vườn

trädgård

gara

garage

tường

vägg

tầng hầm

källare

nhà vệ sinh
nhà ở

toalett

cầu thang

trappa

mái nhà

tak

cửa sổ
tòa nhà

fönster

dao

kniv

tách

kopp

ly

glas

đĩa

tallrik

cốc

mugg

thùng rác

papperskorg

tô

skål

bàn
văn phòng

skrivbord

giường

säng

gương

spegel

vòi hoa sen

dusch

ghế sofa

soffa

ảnh

tavla

đồng hồ

klocka

bàn
nhà

bord

ghế
nhà

stol

hàng xóm

granne

thang máy

hiss

ban công

balkong

gác xép

vind

ống khói

skorsten

muỗng gỗ

träslav

đũa

ätpinne

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

bestick

sked

gaffel

cái vá

nồi

chảo

soppslev

kastrull

stekpanna

bóng đèn

giá sách

rèm

glödlampa

bokhylla

gardin

nệm

gối

chăn

madrass

kudde

filt

kệ

hylla

ngăn kéo

låda

tủ quần áo

garderob

xô

hink

chổi

kvast

cái cân

våg

giỏ đựng đồ giặt

tvättkorg

bồn tắm

badkar

khăn tắm
to lớn

badhandduk

xà phòng

tvål

giấy vệ sinh

toalettpapper

khăn tắm
nhỏ bé

handduk

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

handfat

stege

brevlåda

hàng rào

staket

Mat

trúng

ägg

phô mai

ost

sữa

mjölk

cá

fisk

thịt

kött

xương
món ăn

ben

dầu

olja

bánh mì

bröd

đường
món ăn

socker

sô cô la

choklad

kẹo

godis

bánh bông lan

tårta

nước

vatten

cà phê

kaffe

trà

te

bia

öl

rượu nho

vin

sa lát

sallad

súp

soppa

món tráng miệng

efterrätt

bữa ăn sáng

frukost

bữa trưa

lunch

bữa tối

middag

pizza

pizza

kem

bơ

sữa chua

glass

smör

yoghurt

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

tonfisk

lax

skinka

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

bacon

korv

kalkonkött

thịt gà

thịt bò

thịt heo

kycklingkött

nötkött

fläskkött

thịt cừu

lammkött

bí ngô

pumpa

nấm

svamp

nấm cục

tryffel

tỏi

vitlök

tỏi tây

purjolök

gừng

ingefära

cà tím

aubergine

khoai lang

sötpotatis

cà rốt

morot

dưa chuột

gurka

ớt

chili

ớt chuông

paprika

củ hành

lök

khoai tây

potatis

bông cải trắng

blomkål

bắp cải

kål

bông cải xanh

broccoli

xà lách

sallad

rau chân vịt

spenat

tre

bambu

ngô

majs

cần tây

selleri

đậu Hà Lan

ärta

hạt đậu

böna

quả lê

päron

quả táo

äpple

quả ô liu

oliv

quả sung

fikon

quả chà là

dadel

quả dừa

kokosnöt

quả hạnh nhân

mandel

hạt phỉ

hasselnöt

đậu phộng

jordnöt

quả chuối

banan

quả xoài

mango

quả kiwi

kiwi

quả bơ

avokado

quả dứa

ananas

dưa hấu

vattenmelon

quả nho

druva

dưa gang

sockermelon

quả mâm xôi

hallon

quả việt quất

blåbär

quả dâu tây

jordgubbe

quả anh đào

körsbär

quả mận

plommon

quả mơ

aprikos

quả đào

persika

quả chanh

citron

quả bưởi

grapefrukt

quả cam

apelsin

cà chua

tomat

bạc hà

mynta

sả

citrongräs

quế

kanel

vani

vanilj

muối

salt

tiêu

peppar

cà ri

curry

thuốc lá
thực vật

tobak

đậu hũ

tofu

giấm

vinäger

mì sợi

nudel

sữa đậu nành

sojamjolk

bột mì

mjöl

gạo

ris

yến mạch

havre

lúa mì

vete

đậu nành

soja

hạt

nöt

mật ong

honung

mút

kẹo cao su

bánh kẹp

sylt

tuggummi

pannkaka

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

kaka

pudding

muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

munk

energidryck

apelsinjuice

nước táo

sữa lắc

coca cola

äppeljuice

milkshake

cola

sô cô la nóng

varm choklad

rượu cocktail

cocktail

rượu rum

rom

rượu whisky

whisky

rượu vodka

vodka

thực đơn

meny

hải sản

skaldjur

mì Ý

spaghetti

sushi

sushi

bắp rang bơ

popcorn

khoai tây lát mỏng

chips

cánh gà

kycklingvinge

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

pommes frites

senap

majonnäs

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

ketchup

smörgås

varmkorv

bánh burger

hamburgare

Skola

sách

bok

thư viện

bibliotek

bài tập về nhà

läxa

bài thi

prov

bài học

lektion

khoa học

vetenskap

lịch sử

historia

nghệ thuật

konst

cây bút

penna

bút chì

blyertspenna

thứ nhất

första

thứ hai

2

andra

thứ ba
3

tredje

thứ tư
4

fjärde

ngiên cứu

forskning

bằng cấp

examen

sân thể thao

idrottsplats

từ điển

ordbok

học kì

termin

sổ tay

anteckningsblock

hình học

geometri

chính trị học

politik

triết học

filosofi

kinh tế học

ekonomi

giáo dục thể chất

idrott

sinh học

biologi

toán học

matematik

địa lý

geografi

văn học

litteratur

hóa học

kemi

vật lý

fysik

cải thước

linjal

cục tẩy

suddgummi

cái kéo

sax

băng dính

tejp

keo dán

lim

bút bi

kulspetspenna

kẹp giấy

gem

ba phần trăm

3%

một trăm phần trăm

100%

không phần trăm

0%

mét khối

kubikmeter

mét vuông

kvadratmeter

dặm

mile

mét

meter

mi-li-mét

millimeter

xen-ti-mét

centimeter

đề-xi-mét

decimeter

phép cộng

addition

phép trừ

subtraktion

phép nhân

multiplikation

phép chia

division

diện tích

area

thể tích

volym

hình chữ nhật

rektangel

hình vuông

kvadrat

tam giác

triangel

hình tròn

cirkel

lít

liter

mililít

milliliter

tấn

kilôgam

gram

ton

kilogram

gram

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

magnet

mikroskop

tratt

phòng thí nghiệm

bài giảng

laboratorium

föreläsning

Natur

tro

aska

lửa

eld

kim cương

diamant

mặt trăng

måne

mặt trời

sol

ngôi sao

stjärna

hành tinh

planet

bờ biển
biển

kust

hồ

sjö

rừng

skog

sa mạc

öken

đồi núi

kulle

đá
danh từ

sten

con sông

flod

thung lũng

dal

núi

berg

đảo

ö

đại dương

ocean

biển

hav

băng

is

tuyết

snö

bão táp

storm

mưa

regn

gió

vind

cây

cỏ

hoa hồng

träd

gräs

ros

hoa

kim loại

đất

blomma

metall

jord

dung nham

than

cát

lava

kol

sand

đất sét

tên lửa

vệ tinh

lera

raket

satellit

thiên hà

tiểu hành tinh

lục địa

galax

asteroid

kontinent

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

ekvator

Sydpolen

Nordpolen

suối

rừng nhiệt đới

hang

bäck

regnskog

grotta

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

vattenfall

strand

glaciär

động đất

jordbävning

miệng núi lửa

krater

núi lửa

vulkan

khí quyển

atmosfär

lũ lụt

översvämning

sương mù
danh từ

dimma

cầu vồng

regnbåge

tiếng sấm

åska

tia chớp

blixt

cơn dông

åskväder

nhiệt độ

temperatur

bão nhiệt đới

tyfon

bão

mây

cành cây

orkan

moln

gren

lá cây

rễ cây

thân cây

löv

rot

trädstam

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

frö

plast

koldioxid

nguyên tử

sắt

ôxy

atom

järn

syre

vàng

bạc

guld

silver

Transporter

xe hơi

bil

xe buýt

buss

xe lửa

tåg

ga xe lửa

järnvägsstation

trạm dừng xe buýt

busshållplats

máy bay

flygplan

tàu

fartyg

xe tải

lastbil

xe đạp

cykel

xe mô tô

motorcykel

xe taxi

taxi

đèn giao thông

trafikljus

bãi đậu xe

parkering

đường
xe hơi

väg

ắc quy

batteri

động cơ
xe hơi

motor

túi khí

airbag

vô-lăng

ratt

dây an toàn

bälte

lốp xe

däck

cốp sau

baklucka

máy bán vé

biljettautomat

phòng bán vé

biljettlucka

tàu điện ngầm

tunnelbana

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

höghastighetståg

lokomotiv

spårvagn

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

skolbuss

minibuss

flygplats

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

flygbolag

helikopter

första klass

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

ekonomiklass

affärsklass

flytväst

công ten nơ

container

tàu ngầm

ubåt

tàu du lịch

kryssningsfartyg

tàu chở hàng

containerfartyg

du thuyền

yacht

phà

färja

hải cảng

hamn

xuồng cứu sinh

livbåt

ra đa

radar

đèn đường

gatubelysning

vĩa hè

trottoar

trạm xăng

bensinstation

công trường

byggarbetsplats

vạch qua đường

övergångsställe

tắc đường

trafikstockning

đường cao tốc

motorväg

xe tăng

pansarvagn

máy xúc

grävmaskin

máy kéo

traktor

rơ-moóc

släp

xe tay ga

skoter

xe cáp treo

linbana

Stad

bệnh viện

trường học

nhà ở

sjukhus

skola

hus

hóa đơn

chợ

siêu thị

räkning

marknad

stormarknad

căn hộ

trường đại học

nông trại

lägenhet

universitet

bondgård

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

kyrka

restaurang

bar

phòng thể dục

gym

công viên

park

nhà vệ sinh
đại cương

toalett

bản đồ

karta

xe cứu thương

ambulans

cảnh sát
đại cương

polis

lính cứu hỏa
đại cương

brandkår

quốc gia

land

ngoại ô

förort

ngôi làng

by

bảo hành

garanti

trung tâm mua sắm

köpcentrum

tiệm thuốc

apotek

tòa nhà chọc trời

skyskrapa

lâu đài

slott

đại sứ quán

ambassad

giáo đường Do Thái

synagoga

ngôi đền

tempel

nhà máy

fabrik

nhà thờ Hồi giáo

moské

tòa thị chính

stadshus

bưu điện

postkontor

đài phun nước

fontän

câu lạc bộ đêm

nattklubb

băng ghế

bänk

sân golf

golfbana

sân bóng đá

fotbollsarena

hồ bơi
tòa nhà

simbassäng

sân quần vợt

tennisbana

thông tin du lịch

turistinformation

sòng bạc

kasino

phòng triển lãm nghệ thuật

konstgalleri

bảo tàng

museum

công viên quốc gia

nationalpark

quà lưu niệm

souvenir

thủy cung

akvarium

trượt nước

vattenrutschkana

tàu lượn siêu tốc

berg-och-dalbana

công viên nước

vattenpark

vườn bách thú

djurpark

sân chơi

lekplats

cửa thoát hiểm
tòa nhà

nödutgång

chuông báo cháy

brandlarm

bình cứu hỏa

brandsläckare

đồn cảnh sát

polisstation

tiểu bang

stat

khu vực

region

thủ đô

huvudstad

Sjukhus

tai nạn

olycka

bệnh nhân

patient

phẫu thuật

operation

viên thuốc

tablett

sốt

feber

ho

hosta

phòng cấp cứu

akut

khoa hồi sức tích cực

intensivvårdsavdelning

phòng chờ

väntrum

thuốc aspirin

aspirin

thuốc ngủ

sömntablett

ngày hết hạn

utgångsdatum

liều lượng

dosering

si-rô ho

hostmedicin

tác dụng phụ

biverkning

insulin

insulin

bột

pulver

viên nhộng

kapsel

vitamin

vitamin

thuốc giảm đau

smärtstillande medel

kháng sinh

antibiotikum

vi khuẩn

bakterie

vi rút

virus

đau tim

hjärtattack

tiêu chảy

diarré

tiểu đường

diabetes

đột quỵ

stroke

hen suyễn

astma

ung thư

cancer

cúm

influenza

đau răng

tandvärk

cháy nắng

solbränna

viêm họng

halsont

đau bụng

magont

nhiễm trùng

infektion

dị ứng

allergi

chuột rút

kramp

đau đầu

huvudvärk

ống tiêm

spruta

nặng

krycka

chụp X quang

röntgenbild

máy siêu âm

ultraljudsmaskin

bó bột
nhỏ bé

plåster

xe lăn

rullstol

bó bột
gãy xương

gips

mạch

puls

chấn thương

skada

cấp cứu

nödfall

chấn động

hjärnskakning

vết bỏng

brännsår

gãy xương

fraktur

thuốc tránh thai

p-piller

thử thai

graviditetstest

Jobb

bác sĩ

läkare

y tá

sjuusköterska

cảnh sát
người

polis

tổng thống

president

thuyền trưởng

kapten

thám tử

detektiv

phi công

pilot

giáo sư

professor

giáo viên

lärare

luật sư

advokat

thư ký

sekreterare

trợ lý

assistent

thẩm phán

domare

quản lý

chef

đầu bếp

kock

tài xế taxi

taxichaufför

tài xế xe buýt

busschaufför

người mẫu

modell

nghệ sĩ

konstnär

thủ tướng

premiärminister

dược sĩ

apotekare

lính cứu hỏa
người

brandman

nha sĩ

tandläkare

doanh nhân

entreprenör

chính trị gia

politiker

lập trình viên

programmerare

tiếp viên hàng không

flygvärdinna

nhà khoa học

forskare

giáo viên mầm non

förskollärare

kiến trúc sư

arkitekt

kế toán viên

bokhållare

tư vấn viên

konsult

công tố viên

åklagare

tổng quản lý

verkställande direktör

vệ sĩ

livvakt

chủ nhà

hyresvärd

bồi bàn

servitör

nhân viên bảo vệ

säkerhetsvakt

bộ đội

soldat

ngư dân

fiskare

nhân viên vệ sinh

städare

thợ sửa ống nước

rörmokare

thợ điện

elektriker

nông dân

bonde

lễ tân

receptionist

người đưa thư

brevbärare

thu ngân

kassör

thợ làm tóc

frisör

tác giả

författare

nhà báo

journalist

nhiếp ảnh gia

fotograf

nhân viên cứu hộ

livräddare

ca sĩ

sångare

nhạc sĩ

musiker

diễn viên

skådespelare

phóng viên

reporter

huấn luyện viên

tränare

trọng tài

domare

Affärer

tiền

pengar

văn phòng

kontor

áp lực

stress

bảo hiểm

försäkring

nhân viên
công ty

personal

bộ phận

avdelning

lương

lön

địa chỉ

adress

lá thư

brev

số điện thoại

telefonnummer

url

URL

địa chỉ email

e-postadress

trang mạng

webbsida

thư điện tử

e-post

chữ ký

namnteckning

thua lỗ

förlust

lợi nhuận

vinst

khách hàng

kund

số tiền

belopp

thẻ tín dụng

kreditkort

mật khẩu

lösenord

máy rút tiền

bankomat

thuế

skatt

phòng họp

mötesrum

danh thiếp

visitkort

công nghệ thông tin

IT

nhân sự

personalavdelning

bộ phận pháp lý

juridisk avdelning

kế toán

bokföring

tiếp thị

marknadsföring

bán hàng

försäljning

đồng nghiệp

kollega

người sử dụng lao động

arbetsgivare

nhân viên
người

anställd

chú thích

anteckning

thuyết trình

presentation

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

pärm

stämpel

projektor

bưu kiện

con tem

phong bì

paket

frimärke

kuvert

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

webbläsare

investering

aktiebörs

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

sedel

mynt

ränta

khoản vay

lãi

số tài khoản

kontonummer

tài khoản ngân hàng

bankkonto

Enheter

điện thoại

telefon

bộ tivi

TV-apparat

máy ảnh

kamera

đài radio

radio

quạt

fläkt

máy điều hòa

luftkonditionering

máy pha cà phê

kaffemaskin

máy nướng bánh mì

brödrost

máy hút bụi

dammsugare

máy sấy tóc

hårtork

ấm đun nước

vattenkokare

máy rửa chén

diskmaskin

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

spis

ugn

mikrovågsugn

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

kylskåp

tvättmaskin

fjärrkontroll

tai nghe

chuột

bàn phím

hörlur

mus

tangentbord

ổ cứng

thanh USB

máy quét

hårddisk

USB-sticka

skanner

máy in

skrivare

màn hình

skärm

máy tính xách tay

bärbar dator

rô bốt

robot

loa

högtalare

